
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----*-----



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 5B Toà nhà FLC Land mark Tower, đường Lê Đức Thọ, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 35537116

Fax : (84-4) 35537168

Mã CK trên sàn HNX: SHN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Năm báo cáo: 2013

Hà Nội, tháng 4 năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần đầu tư tổng hợp Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102287094 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2007 và thay đổi lần 10 ngày 06/5/2011.
- Vốn điều lệ : 324.533.600.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 324.533.600.000đồng
- Địa chỉ : Tầng 5B Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại : 04.3.553 7117/04.3 553 7118
- Số fax : 0435.537.168
- Website : www.hanic.com.vn
- Mã cổ phiếu : SHN

2. Quá trình hình thành và phát triển

+ Việc thành lập

Năm 2007, Công ty cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội được thành lập theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103016510 sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 30/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06/05/2011 với mã số doanh nghiệp: 0102287094. Tên khai sinh của Công ty ban đầu là Công ty TNHH Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tháng 03 năm 2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư INCONESS Hà Nội, tháng 11/2007 đổi tên thành Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội (HANIC).

+ Niêm yết cổ phiếu

Công ty cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 10/12/2009 và chính thức giao dịch từ ngày 16/12/2009.

Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	: SHN
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay	: 32.453.360 cổ phiếu

+ Quá trình phát triển

- Tiền thân là Công ty TNHH Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và Tư vấn đầu tư Hà Nội (INCONESS Hà Nội), được thành lập ngày 29/4/2005, đến ngày 30/3/2007, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, mang tên Công ty CP Đầu tư INCONESS Hà Nội, với vốn điều lệ 21 tỷ đồng.

- Ngày 19/07/2007, sáp nhập Công ty CP TM Hoàng Hải Long, vốn điều lệ tăng lên 25 tỷ đồng.

- Ngày 21/11/2007, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội (HANIC).

- Ngày 24/01/2008, Công ty phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng.

- Ngày 11/09/2008, được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông và UBCKNN công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn và cổ phiếu quỹ và phát hành cho 01 cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 87,02 tỷ đồng.

- Ngày 21/6/2010, Công ty được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 23.321.360 cổ phiếu; chào bán cho cán bộ CNV Công ty: 430.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 87.020.000.000 lên 324.533.600.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần số 9 ngày 01/10/2010.

- Ngày 06/5/2011, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 10 – thay đổi người đại diện trước Pháp luật.

+ **Các sự kiện khác:** không có

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng

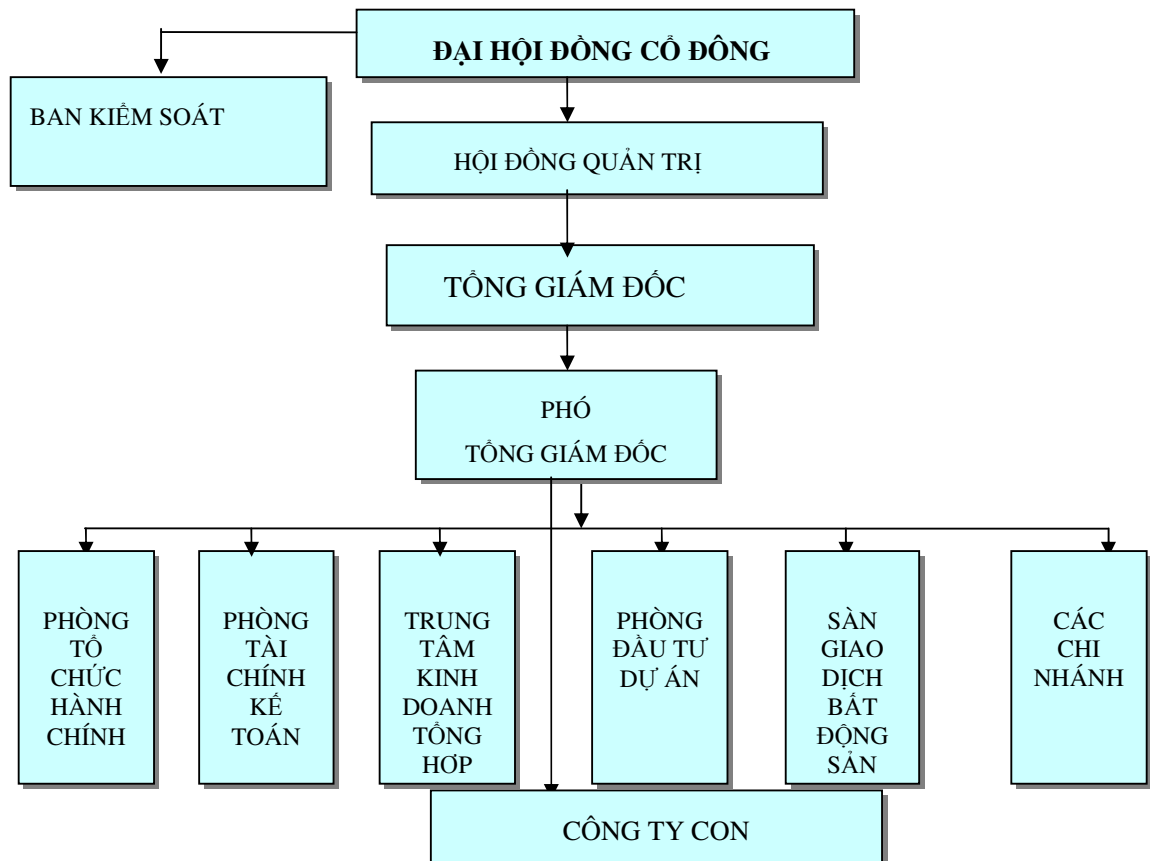
hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);

- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

+ Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chủ yếu của Công ty là ở Hà Nội.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban, bộ phận khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, nội quy khác của Công ty.

- **Công ty con:** Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam

	Vốn điều lệ của Công ty con	Vốn góp của công ty VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
--	--	--	-------------------------------------	---

Công ty TNHH XNK			100%	100%
Hàng hóa	2,000,000,000	2,000,000,000		
Việt Nam				

Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 K ĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính: xuất nhập khẩu hàng hóa, Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống, kinh doanh rượu.

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Năm 2013 Công ty xác định vẫn còn nhiều khó khăn, giai đoạn tới Công ty chủ yếu tập trung vào việc thu hồi công nợ với Công ty CP BETA BQP (BETA)

Đối với hoạt động xuất khẩu lao động: Duy trì thị trường truyền thống Malaysia. Đồng thời tìm hiểu mở rộng thị trường mới (Đài Loan, Nhật...) với phương châm là hết sức thận trọng để tránh những rủi ro.

Đối với hoạt động bất động sản: Tiếp tục bám sát các dự án bất động sản đang thực hiện dở dang.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trước những khó khăn hiện tại, HĐQT xác định thời gian tới chủ yếu tập trung giải quyết công nợ với Công ty CP BETA BQP và ông Nguyễn Anh Quân cùng một số đối tác khác. Sau khi việc thu hồi công nợ đạt được kết quả nhất định sẽ tập trung trọng điểm vào phát triển các lĩnh vực sau: Đầu tư và dịch vụ trong lĩnh vực bất động sản; Dịch vụ xuất khẩu lao động; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu; đồng thời phát triển theo hướng gắn sản xuất với kinh doanh thương mại.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và tham gia các hoạt động xã hội trong điều kiện cho phép.

- Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận trong năm 2013:

Mặc dù nhiệm vụ chính trong năm 2013 là tập trung thu hồi công nợ từ BETA nhưng công ty cố gắng đẩy mạnh hoạt động truyền thống của công ty là xuất khẩu lao động đồng thời huy động vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh thương

mại. Sau đây là kế hoạch thực hiện một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2013:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013
1	Tổng doanh thu	trđ	50.150
2	Tổng chi phí	trđ	49.920
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	90
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	-
5	Cổ tức	đ/CP	-

6. Các rủi ro:

a) Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế được đánh giá là loại rủi ro có tính hệ thống, nó bao gồm sự biến động của GDP, lạm phát, tỷ giá, lãi suất... Tác động của nó là tới toàn bộ nền kinh tế nói chung và hầu hết mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế trong đó có Hanic.

b) Rủi ro về Luật pháp, chính trị:

Công ty Cổ phần đầu tư tổng hợp Hà Nội hoạt động trên cơ sở tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán... Tuy nhiên hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, sửa đổi do đó việc không nắm bắt kịp sự thay đổi đó sẽ tác động khá lớn tới hoạt động của công ty.

c) Các loại rủi ro khác:

Rủi ro về cạnh tranh, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của công ty .

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm: Năm 2012 là một năm mà hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do các yếu tố sau:

+ Kinh tế thế giới vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, đà phục hồi rất chậm.

+ Kinh tế trong nước cũng gặp rất nhiều khó khăn: Chính phủ vẫn tiếp tục thắt chặt đầu tư công và cho vay trong lĩnh vực bất động sản, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng bị cầm chừng hoặc thu hẹp, giá cả trên thế giới và trong nước liên tục giảm.

+ Việc thu hồi công nợ với Công ty CP BETA BQP và Ông Nguyễn Anh Quân vẫn gặp nhiều khó khăn, trong năm do chưa thu hồi được nợ nên Công ty

không có vốn để triển khai kinh doanh. Mặc dù Công ty và phía gia đình ông Quân đã đạt được một số thỏa thuận tích cực để giải quyết vấn đề công nợ, tuy nhiên cần phải có thời gian để hoàn tất các thủ tục pháp lý cho Công ty.

+ Kết quả năm 2012 tuy không hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản nhưng Công ty đã có nhiều cố gắng để duy trì sự tồn tại và hoạt động nhằm tiếp tục việc thu hồi công nợ với Công ty BETA BQP và ông Nguyễn Anh Quân.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Kết quả kinh doanh năm 2012 bị lỗ 127 tỷ và không đạt được mức kế hoạch đề ra do những nguyên nhân sau:

+ Do Công ty chưa thu hồi được công nợ dẫn đến không có vốn để triển khai kinh doanh. Mặt khác, để giải quyết các vấn đề công nợ cấp bách với khách hàng, công ty đã phải chuyển nhượng lỗ một số khoản đầu tư.

+ Do số dư nợ vay với các ngân hàng và cá nhân vẫn còn nên công ty vẫn phải trích lập lãi vay trả ngân hàng và các khách hàng cá nhân nên chi phí lãi vay phát sinh tương đối nhiều.

+ Trong năm 2012 Công ty tiếp tục phải trích lập dự phòng phải thu đối với công ty CP BETA BQP và một số khách hàng khác dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh lớn.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ **Tổng giám đốc**

Ông: ĐINH HỒNG LONG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	17/12/1962	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	BO357417 cấp ngày 20/4/2006 tại Cục Xuất nhập cảnh Việt Nam		
Địa chỉ thường trú	Số 158 – TT3 – Khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, Từ Liêm, Hà		
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kinh tế trường ĐH Thương Mại, Hà Nội		

Quá trình công tác:

- Từ 1989-1994: Kế toán viên và Phụ trách kế toán - Công ty Dịch vụ Công nghiệp Hà Nội, Sở Công nghiệp Hà Nội.
- Từ 1994-1997: Phó trưởng phòng kinh doanh - Công ty Thương Mại Trường An – Ban Tài chính Quản trị trung ương.
- Từ 1997-2005: Công tác tại Công ty cổ phần Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất
Giữ các chức vụ sau: Kế toán trưởng, Phó giám đốc Công ty kiểm giám đốc Trung tâm XKLD CIRI.
- Từ 2005-2007: Phó giám đốc Phụ trách tài chính và đầu tư - Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Tập đoàn than, khoáng sản VN
- Tháng 3/2007 đến tháng 4/2011: Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HANIC)
- Tháng 5/2011 đến 31/1/2012: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội (HANIC)
- Từ tháng 2/2012 đến T5/2012: Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HANIC)
- Từ tháng 5/2012 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội.

Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác	- Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Tài chính Findex - Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Thủy điện Đắkpru

+ Phó Tổng Giám đốc

Ông: LƯU QUANG MINH			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	03/02/1970	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	011389739		
Địa chỉ thường trú	P306, Nhà 17T2 Khu Đô thị Trung Hoà Nhân Chính, phường Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế Đại học Thương Mại		

Quá trình công tác:

- + 1996-1998: Cán bộ kinh doanh Công ty TM Trường An – Ban Tài chính Quản trị Trung ương.
- + 1998-2005: Công tác tại Công ty cổ phần Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất.

Giữ các chức vụ sau: Phụ trách cửa hàng Hòn da; Trưởng văn phòng đại diện tại Trùng Khánh, Trung quốc; Phó trưởng phòng xe máy; Đại diện phần vốn góp của CIRI và giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Đa.

- + 05/2005-07/2007: Giám đốc công ty CP TM Hoàng Hải Long
- + 07/2007 đến 4/2011: Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
- + 5/2011 đến 1/2012: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội
- + Từ tháng 2/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội (HANIC)
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế	Không

+ Phó Tổng Giám đốc

Bà: NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Bắc Ninh
Ngày tháng năm sinh	26/06/1961	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012279370		
Địa chỉ thường trú	P. 77, Nhà C2, TT Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại ngữ		

Quá trình công tác: + Từ năm 1993 đến năm 1999: Giám đốc chi nhánh tại Hà Nội – Công ty Hữu hạn thực nghiệm Quốc tế. + Từ năm 2000 đến năm 2003: Giám đốc chi nhánh tại Hà Nội – Công ty cổ phần Dịch vụ đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu. + Từ năm 2003- 2008: Trưởng ban Xuất khẩu lao động II, Phó giám đốc Trung tâm đào tạo Xuất khẩu lao động – Công ty cổ phần Quan hệ quốc tế Đầu tư sản xuất (CIRI)- CIENCO 8 + Từ 1/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách XKLD – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HANIC)	
Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội

+ Phó Tổng Giám đốc

Ông: HOÀNG VĂN DIỆN			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	25/07/1975	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012130989		
Địa chỉ thường trú	số 45 ngõ 62 phố Ngọc Hà, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế		

Quá trình công tác:

- + 1995 – 10/1997: Cán bộ Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật- Thiết kế , Công ty Tư vấn Xây dựng GT8 – CIENCO8 – Bộ GTVT
- + 11/1997 – 01/1999: Cán bộ Phòng kế hoạch – Dự toán, Công ty Tư vấn Xây dựng GT8 – CIENCO8 – Bộ GTVT. Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM.
- + 02/1999 – 12/2005: Phó phòng Kế hoạch – Dự toán, Công ty CP Tư vấn Xây dựng GT8 – CIENCO8 – Bộ GTVT. Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- + 01/2006 – 12/2007: Trưởng phòng Kế Hoạch – Dự toán, Công ty CP Tư vấn Xây dựng GT8 – CIENCO8 – Bộ GTVT. Bí thư Đoàn TNCS HCM.
- + 01/2008 – 04/2010: Giám đốc Dự án, Giám đốc Trung Tâm Tư vấn XD HANIC, Giám đốc CN Thái Nguyên, Công ty CP Đầu tư Tổng Hợp Hà Nội.
- + 05/2010 – Nay: Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Tư vấn XD HANIC, Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội, Phó Bí thư Chi bộ

Chức vụ công tác
hiện nay trong Công ty

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội

+ Phó Tổng Giám đốc

Bà: Phạm Thị Hà Thương			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Bắc Ninh
Ngày tháng năm sinh	10/03/1980	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hưng Yên	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	013055747		
Địa chỉ thường trú	P 1306, CT4-A1, Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế.		

Quá trình công tác: + Từ năm 2001 đến năm 2008: Phụ trách thương mại- Công ty cổ phần VINAFCO. + Từ 2008 đến 2010: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh tổng hợp Hanic I. + Từ 2010 đến T4/2010: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh tổng hợp Hanic I + Từ T5/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách thương mại – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HANIC).	
Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty + Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội

Bà: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	17/06/1978	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	182178245		
Địa chỉ thường trú	Số 28, Ngách 102/32, Hoàng Đạo Thúy, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ĐH Tài chính kế toán Hà Nội		
Quá trình công tác:			
- 16/10/2000: Nhân viên phòng Kế toán Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất - Tổng Công ty XCT Giao thông 8 + 11/05/2005: Kế toán trưởng Công ty CPTM Hoàng Hải Long + 20/07/2007 đến nay: Kế toán Trưởng Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HANIC)			
Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội		

- Những thay đổi trong ban điều hành: Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

- Thay đổi nhân sự Ban Tổng Giám đốc:
 - Ông Đinh Hồng Long: Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc từ ngày 01/02/2012
 - Ông Lưu Quang Minh: Tổng Giám đốc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/02/2012.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. :**

+ Số lượng cán bộ, nhân viên thường xuyên đến hết năm 2012 là: 20 người

+ Chính sách chung: Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động số tiền lương tối thiểu để yên tâm công tác. Tuy nhiên do những khó khăn hiện tại của Công ty nên trong năm Công ty đã chậm trả lương cho người lao động và chậm nộp các khoản tiền bảo hiểm của người lao động. Tuy nhiên CBNV trong công ty đều có tinh thần chia sẻ và đồng cảm với những khó khăn của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty không đầu tư vào dự án nào mà tập trung chủ yếu vào việc giải quyết, thu hồi công nợ từ công ty BETA-BQP và một số đối tác khác.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty con: Công ty TNHH XNK hàng hóa Việt Nam:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.783.162.815	2.321.585.388	-16,58
Doanh thu thuần	7.463.933.899	681.570.000	-90,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	570.903.960	71.306.417	-87,5
Doanh thu tài chính	305.015.566	100.112.108	-67,17
Chi phí tài chính	4.903.263.865	(172.089.068)	-103,5
Chi phí bán hàng	461.049.090	15.322.825	-96,67
Chi phí QLDN	39.077.256	7.133.800	-81,74
Lợi nhuận khác	17.087.052	-	
Lợi nhuận trước thuế	(4.510.383.633)	321.050.968	107
Lợi nhuận sau thuế	(4.510.383.633)	321.050.968	107
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

4. Tình hình tài chính Công ty:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	558.005.425.201	347.672.170.372	-37,69
Doanh thu thuần	172.485.673.856	75.010.148.027	-56,51
Lợi nhuận từ hoạt động KD	12.727.239.409	(29.594.464.593)	
Lợi nhuận khác	(2.808.098.431)	(2.150.024.130)	
Lợi nhuận trước thuế	(146.024.923.662)	(127.022.179.816)	
Lợi nhuận sau thuế	(146.024.923.662)	(127.022.179.816)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

* Năm 2012 Kết quả kinh doanh của Công ty tiếp tục bị lỗ do những nguyên nhân sau:

- Do công ty chưa thu hồi được nợ từ phía Công ty CP BETA BQP và ông Nguyễn Anh Quân nên không có vốn để kinh doanh.
- Mặt khác để giải quyết nợ với Ngân hàng và khách hàng công ty đã phải chuyển nhượng lỗ một số khoản đầu tư.
- Công ty vẫn phải trích lập lãi vay phải trả ngân hàng và các cá nhân.
- Tiếp tục trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với Công ty BETA BQP, Ông Nguyễn Anh Quân và một số khách hàng khác.
- + Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất): Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,99	0,96	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,97	0,93	
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho/</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	64%	74%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	36%	27%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán/</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,3	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,84)	(1,69)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,73)	(1,42)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,26)	(0,36)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	(0,39)	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty là 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu(%)
1. Cổ đông trong nước	5,802	32,365,296	99.73
1.1. Tổ chức	52	242,140	0.75
1.2. Cá nhân	5,750	32,123,156	98.98
2. Cổ đông nước ngoài	8	88,064	0.27
2.1. Tổ chức	-	-	
2.2. Cá nhân	8	88,064	0.27
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng	5,810	32,453,360	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong tháng 1/2012 Công ty đã bán toàn bộ 263.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu quỹ hiện nay là không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2012 là một năm đầy khó khăn đối với doanh nghiệp. Cùng với sự biến động của nền kinh tế nói chung và những khó khăn nội tại của doanh nghiệp: tiến độ thu hồi công nợ từ phía Công ty CP BETA- BQP và Ông Nguyễn Anh Quân chậm, không có vốn để hoạt động. Đồng thời với chính sách thắt chặt tiền tệ, hạn chế giải ngân đối với lĩnh vực bất động sản... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả là Công ty không hoàn thành kế hoạch năm 2012 và tiếp tục bị lỗ. Đây là kết quả không mong muốn của HĐQT công ty và ban điều hành.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	Trđ	80.497	102.000	79%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	(127.022)	150	-
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	(127.022)	-	-
4	Vốn điều lệ bình quân	Trđ	324.494		
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	(3.914)		
6	Dự kiến chia cổ tức				

(Nguồn số liệu lấy từ Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán)

2. Đánh giá tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản năm 2012 là 347,672 tỷ đồng, giảm 37,69% so với năm 2011 là do nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Tăng trích lập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn dẫn đến giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn giảm

+ Giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác

b) Tình hình nợ phải trả

- Các khoản nợ ngắn hạn năm 2012 là 258,46 tỷ, giảm 28% so với năm 2011 là do các khoản vay mà cá nhân cho Công ty vay gắn liền quyền mua căn hộ đã giảm do khách hàng chuyển từ hợp đồng vay vốn thông thường sang hợp đồng mua bán căn hộ với chủ đầu tư.

- Do Công ty bị đối tác chiếm dụng vốn nên hiện nay công ty chưa thanh toán được cho các cá nhân cho công ty vay vốn để đầu tư vào dự án và các khoản vay đối với các ngân hàng. Vì vậy, số tiền lãi vay phát sinh đối với các khoản vay đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý của Công ty như hiện tại là tương đối phù hợp và ổn định nên trong năm công ty chưa xem xét việc thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Năm 2013 tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ với Công ty CP BETA – BQP, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Khoản công nợ phải thu liên quan đến Công ty CP BETA BQP và Ông Nguyễn Anh Quân với tài sản đảm bảo cho khoản công nợ này là số cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo, HANIC vẫn chưa đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh của Công ty CP Bất động sản Âu và ban lãnh đạo Công ty vẫn đang trong quá trình xúc tiến việc sang tên sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân để thu hồi khoản công nợ với Công ty Beta Bộ quốc phòng và Ông Nguyễn Anh Quân. Đồng thời theo biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2012 giữa HANIC, gia đình ông Nguyễn Anh Quân và Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới, 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông thép Ninh Bình giá trị 45 tỷ đồng được dùng để thanh toán cho HANIC thay cho ông Nguyễn Anh Quân. Số cổ phần này Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới nhận chuyển nhượng từ Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước(SCIC). Hiện nay các bên liên quan đang xúc tiến các thủ tục cần thiết để chuyển số cổ phần này sang cho HANIC. Do chưa có tiêu chí cụ thể trong việc đánh giá giá trị cổ phiếu chưa niêm yết nên kiểm toán không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ này.

- Các khoản phải thu liên quan đến tài sản chờ thu hồi giá trị 31 tỷ là giá trị 10 cây tùng la hán. Đối với các khoản tạm ứng hơn 50 tỷ và các khoản đầu tư dài hạn giá trị hơn 101,6 tỷ đồng là các khoản liên quan đến các dự án mà Công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện và cổ phiếu chưa niêm yết..

- Kết thúc kỳ báo cáo tài chính năm 2012, HANIC đã thực hiện các thủ tục đối chiếu số liệu với các khách hàng có liên quan đến hoạt động của Công ty. Do tính chất công việc, một số khách hàng đi công tác xa nên không thể liên lạc được do vậy đến thời điểm kiểm toán, khoản công nợ 30 tỷ đồng đầu tư dài hạn chưa có biên bản xác nhận số liệu với khách hàng.

- Lỗ lũy kế chủ yếu xuất phát từ khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đối với Công ty CP BETA- BQP và các khoản lãi vay phải trả cho ngân hàng, các cá nhân.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1 Hoạt động Xuất khẩu lao động:

1.1.1 Thị trường Malaysia:

Vẫn luôn được coi là thị trường chủ đạo trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu của HANIC ngay từ khi được cấp giấy phép hoạt động với những lợi thế như nhu cầu tuyển dụng đa dạng với số lượng lớn, đặc biệt là đối với những đơn hàng đã có lao động của HANIC làm việc, chi phí xuất cảnh thấp, phù hợp với nhiều lao động tại các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về điều kiện phát triển kinh tế, dân trí thấp. Tuy nhiên từ cuối năm 2011 bắt đầu xuất hiện những tác động của sự suy giảm kinh tế thế giới đến từ Malaysia làm ảnh hưởng đến nhu cầu tiếp nhận lao động và nhu cầu đi xuất khẩu lao động sang thị trường Malaysia của người dân, cụ thể:

- Một số chủ sử dụng lao động là đối tác truyền thống mỗi năm nhận trên 100 lao động của HANIC (Nhà máy xích lốp Kilang Rantai S.A. Sdn.Bhd; Nhà máy điện tử FCI Connectors Malaysia; Nhà máy dệt Penfabric Sdn. Berhad) đã tạm dừng hoặc hạn chế tiếp nhận do lo ngại về tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính khu vực Châu Âu đang lan rộng;

- Chính phủ Malaysia gia hạn thời gian thực hiện Chương trình 6P đến hết háng 4 năm 2012 thay vì hết tháng 12/2011 như công bố trước đó. Chính vì vậy, các chủ sử dụng không thể tiếp nhận lao động mới, làm ảnh hưởng lớn đến các đơn hàng của HANIC đã ký nhưng không được chính phủ Malaysia cấp giấy phép nên buộc phải tuyển dụng lao động thời vụ, trong khi người lao động không chịu đi các đơn hàng khác;

- Ngày 16 tháng 7 năm 2012, Bộ Trưởng Bộ Nguồn Nhân lực Malaysia đã ký ban hành “Chế độ tiền lương tối thiểu 2012” (được coi là một trong những tiêu chí trong tiến trình đưa Malaysia đến năm 2020 trở thành một nước phát triển), theo đó lương cơ bản tối thiểu của người lao động (bao gồm lao động nước ngoài) được tăng từ 546RM – 900RM/tháng, áp dụng từ 01/01/2013. Quyết định này đã gây tâm lý bất an cho nhiều chủ sử dụng lao động, đặc biệt là các ngành cần nhiều nhân công như điện tử, dệt may, bắt buộc các doanh nghiệp phải cơ cấu lại sản xuất, đầu tư nhiều trang thiết bị tự động hóa hiện đại để giảm dần sự phụ thuộc vào công nhân nước ngoài. Chính vì vậy, nhiều nhà máy đã bắt đầu thu hẹp sản xuất, chuyển đầu tư sang một số thị trường mới nổi như Myanmar, Indonesia... làm ảnh hưởng đến nhu cầu tiếp nhận lao động Việt Nam;

- Do tình hình lạm phát của Malaysia tiếp tục tăng từ cuối 2011 khiến cho giá cả lương thực, thực phẩm tăng cao, trong khi mức lương cơ bản chưa tăng, giờ làm thêm giảm khiến cho thu nhập của người lao động và tiền gửi về giảm

mạnh so với năm 2010 và 2011, hiệu quả kinh tế khi lao động tại Malaysia ngày càng sụt giảm khiến cho nhiều lao động chỉ có nhu cầu đi những thị trường có thu nhập kỳ vọng cao hơn như Đài Loan, Nhật Bản... hoặc làm việc tại các khu công nghiệp trong nước có các công ty nước ngoài sẵn sàng trả lương và phúc lợi tốt. Điều này làm ảnh hưởng đến nguồn cung cho đối tác Malaysia.

- Một số hạn chế nêu trên đã khiến cho Công ty gặp rất nhiều khó khăn và hết năm 2012, số lượng lao động Công ty đã đưa sang thị trường Malaysia chỉ đạt 303 lao động, chỉ đạt được 43,2% kế hoạch năm đề ra.

1.1.2 Thị trường Đài Loan:

- Trong khi chờ đợi động thái mới từ Ủy Ban Lao động Đài Loan cho phép các doanh nghiệp XKLD mới của Việt Nam được phép đưa lao động sang thị trường này thì Bộ Lao động – Thương Binh & Xã Hội đã ra công văn số 341/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 15/02/2012 cho phép các doanh nghiệp có giấy phép đưa lao động sang Đài Loan được liên kết với một (01) doanh nghiệp chưa có giấy phép và ngược lại. Công văn cũng yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc thu phí không quá 4500USD/hợp đồng 3 năm, phí môi giới không quá 1500USD, không được cho cá nhân/doanh nghiệp nước ngoài mượn giấy phép dưới mọi hình thức. Đây được coi là một quyết định đúng đắn nhằm củng cố lại thị trường Đài Loan trước nguy cơ có thể bị đóng cửa do tỷ lệ lao động bỏ trốn ngày càng tăng.

- Tuy nhiên, Công ty đang cân nhắc việc liên kết với một doanh nghiệp có giấy phép Đài Loan nên hiện nay vẫn chưa triển khai thị trường Đài Loan do mức phí môi giới phía đối tác Đài Loan yêu cầu vẫn cao hơn nhiều so với quy định.

1.1.3 Các thị trường khác:

- Do tác động của khủng hoảng kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình khai thác thị trường mới và do hạn chế trong việc tiếp cận các thị trường như Nhật Bản, Châu Âu nên hiện nay Công ty chưa khai thác thêm được thị trường nào ngoài Malaysia.

1.1.4 Các đối tác tuyển dụng nguồn lao động xuất khẩu:

- Công ty vẫn duy trì tốt mối quan hệ với các đối tác tuyển dụng nguồn lao động cung ứng cho các đơn hàng ký kết với các đối tác, duy trì hoạt động của hai (02) văn phòng tuyển dụng lao động tại Tỉnh Bắc Giang (Thành Phố Bắc Giang & Huyện Lục Ngạn), còn các địa phương khác chủ yếu Công ty hợp tác với các đầu mối cá nhân có nhân thân tốt, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tuyển dụng lao động xuất khẩu. Thường xuyên giám sát, thông tin về những chính sách pháp luật mới về xuất khẩu lao động để các cá nhân, đơn vị liên kết thực hiện tốt công việc theo đúng pháp luật và quy định của công ty.

- Công ty vẫn duy trì việc đào tạo lao động tại các địa phương liên kết và chỉ tập trung giáo dục định hướng cho người lao động trước khi xuất cảnh tại Công ty nhằm tiết kiệm chi phí cho người lao động, tăng tính cạnh tranh.

1.2 Hoạt động của sàn giao dịch bất động sản HANIC:

- Trong năm 2012, Sàn giao dịch BĐS HANIC tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Tư vấn BĐS cho khách hàng đối với các dự án BĐS mà Công ty đầu tư, với các dự án tiêu biểu sau: Dự án “Mekong Paza – KĐT Lê Trọng Tấn”; Dự án “Chung cư cao cấp Đoàn Ngoại Giao – Xuân Đình – HN”. Phân phối 374 căn hộ CCCC với diện tích từ 78m²- 150m² tại Tòa CT1 – ThePride thuộc Khu đô thị mới An Hưng – Hà Đông – HN và 95% căn hộ đã vào hợp đồng mua bán với chủ đầu tư.

1.3 Hoạt động đầu tư góp vốn:

- Dự án thủy điện ĐăkPru HANIC: Do tình hình khó khăn về tài chính nên từ năm 2012 Chủ đầu tư Dự án đã tạm dừng triển khai xây dựng Dự án.

- Dự án đầu tư khai thác mỏ Chì Kẽm tại tỉnh Thanh Hóa: Năm 2012, do tình hình tài chính khó khăn, nên dự án đã hoạt động cầm chừng, sản lượng khai thác chủ yếu để duy trì.

1.4 Hoạt động đầu tư các dự án bất động sản:

- Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tây Mỗ tại xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội: Năm 2012, do tình hình thị trường Bất động sản đóng băng, Dự án không triển khai được. Hiện đang đợi chủ trương của UBND TP Hà Nội.

- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại – nhà ở cao cấp Vạn Minh tại xã Vạn Điểm và Minh Cường, huyện Thường Tín, TP Hà Nội: Năm 2012, do tình hình thị trường Bất động sản đóng băng, Dự án không triển khai được. Hiện đang đợi chủ trương của UBND TP Hà Nội.

- Dự án Tòa nhà CT1 – dự án The Pride thuộc KĐT mới An Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội: Hiện Dự án đã thi công xong toàn bộ phần thô, Sàn GD BĐS HANIC hoàn thành việc bán sản phẩm tới khách hàng đầu tư.

- Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Diêm Thụy, tỉnh Thái Nguyên: Do tình hình tài chính khó khăn, năm 2012 HANIC đã dừng triển khai dự án.

- Dự án đầu tư khai thác Trạm thu phí đường bộ Hoàng Mai, quốc lộ 1A tỉnh Nghệ An: Do tình hình tài chính khó khăn, ngày 22/05/2012, HANIC và Công ty CP An Sinh đã ký biên bản thoái vốn khỏi Dự án, theo đó HANIC sẽ nhận lại khoản tiền đầu tư sau khi đã trừ đi các khoản chi phí của Dự án.

1.5 Quá trình thu hồi công nợ từ Công ty CP BETA- BQP

- Trong năm 2012, Công ty HANIC chủ yếu tập trung thu hồi công nợ từ phía Công ty CP BETA-BQP và Ông Nguyễn Anh Quân- Tổng giám đốc Công ty CP BETA. HANIC đã gửi các công văn đến các cơ quan chức năng như: Bộ

trưởng Bộ quốc phòng, Thủ tướng chính phủ, thanh tra Bộ quốc phòng, Cục kinh tế Bộ quốc phòng, Văn phòng phòng chính phủ, phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự và quản lý kinh tế và chức vụ Hà Nội (PC46) và một số cơ quan báo chí... với mong muốn các cơ quan chức năng có biện pháp giúp HANIC thu hồi công nợ từ BETA và ông Nguyễn Anh Quân.

- Đồng thời HANIC thường xuyên tiếp xúc, tranh thủ sự tác động từ phía gia đình bố mẹ để ông Nguyễn Anh Quân là ông Nguyễn Hồng Quang và Bà Vũ Thị Lai cùng phối hợp tìm biện pháp nhằm tìm kiếm các nguồn tài sản để trả nợ cho HANIC. Trong suốt quá trình làm việc phía gia đình bố mẹ để ông Quân tỏ ra rất thiện chí tháo gỡ. Ngày 20/11/2012, Công ty HANIC, Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới và Gia đình ông Nguyễn Anh Quân đã ký biên bản thỏa thuận, theo đó: Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới và các bên liên quan tự nguyện dùng 51% cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông – Thép Ninh Bình để trả nợ cho HANIC thay ông Nguyễn Anh Quân với trị giá là 45.000.000.000đ (*Bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn*). Số cổ phần này Công ty CP Tam Đảo Mới nhận chuyển nhượng từ Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

- Công ty đang phối hợp với các bên có liên quan làm các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển giao 51% cổ phần tại Công ty CP Bê tông – Thép Ninh Bình cho HANIC. Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, HANIC sẽ trừ nợ cho Ông Nguyễn Anh Quân 45 tỷ đồng.

- Giai đoạn tiếp theo, gia đình ông Nguyễn Anh Quân sẽ phối hợp với HANIC tìm phương án triển khai công việc tại Dự án Bình Dương, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các nguồn tài sản khác để trả nợ cho HANIC.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: Ban Giám đốc công ty có 5 người, trong đó một Tổng giám đốc và 4 phó Tổng. Trong số các thành viên Ban giám đốc có 3/5 người đồng thời là ủy viên Hội đồng quản trị, vì vậy các chủ trương và định hướng mà Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thành Nghị quyết đều được Ban giám đốc lĩnh hội và triển khai đúng. Ban giám đốc có ý thức và tinh thần trách nhiệm rất cao trong công việc. Mặc dù Công ty đang còn rất nhiều khó khăn, tuy nhiên các thành viên trong Ban giám đốc công ty đã cố gắng hết sức để duy trì sự tồn tại của Công ty và tìm các biện pháp cần thiết trong việc thu hồi công nợ với Công ty CP BETA BQP và ông Nguyễn Anh Quân.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2013 Công ty xác định vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của kinh tế toàn cầu và kinh tế trong nước nên Hội đồng quản trị Công ty chỉ tập trung chủ yếu vào việc chỉ đạo Ban điều hành trong công tác thu hồi công nợ và đẩy

mạnh công tác xuất khẩu lao động. Ngoài ra, sẽ tìm kiếm đối tác và các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Danh sách thành viên	Cơ cấu	Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ(%)	Ghi chú
1	Dương Mạnh Hải	Chủ tịch	1.630.000	5%	
2	Đinh Hồng Long	Phó chủ tịch	350.000	1.08%	
3	Lưu Quang Minh	Ủy viên	14.397	0.044%	
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên	100.000	0.03%	
5	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	200.000	0.616%	
6	Nguyễn Đăng Chiêu	Ủy viên	92.300	0.28%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Với tư cách là đại diện cho chủ sở hữu, Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của cổ đông. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng theo quy định tại luật Doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.

Trong năm, Hội đồng quản trị họp 15 lần, ra 19 nghị quyết. Nội dung nghị quyết tại các cuộc họp cụ thể như sau:

Số TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT/2012	11/01/2012	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự cao cấp của Công ty
02	02/NQ-HĐQT/2012	11/01/2012	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc Thay đổi đăng ký kinh doanh công ty
03	03/NQ-HĐQT/2012	16/02/2012	Thông qua việc thay đổi thiết kế Logo Công ty
04	04/NQ-HĐQT/2012	17/02/2012	Thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư Lô biệt thự tại khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội
05	05/NQ-HĐQT/2012	20/02/2012	Thông qua giải pháp thu hồi công nợ BETA và giải quyết công nợ với nhóm đầu tư thể nhân
06	06/NQ-HĐQT/2012	16/03/2012	Thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư Lô biệt thự TT3 Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
07	07/NQ-	19/03/2012	Thông qua việc tạm dừng hoạt động của 03

	HĐQT/2012		chi nhánh công ty: CN tại Thái Nguyên, CN tại Nghệ An và CN tại Quảng Ninh
08	08/BB-HANIC/2012	20/03/2012	Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty: chi nhánh Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội- sàn giao dịch bất động sản HANIC
09	09/NQ-HĐQT/2012	26/03/2012	Thông qua chủ trương chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án Trạm thu phí Hoàng Mai Km 393+400 quốc lộ 1A, tỉnh Nghệ An
10	10/NQ-HĐQT/2012	18/04/2012	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2011, kế hoạch kinh doanh 2012 và dự kiến phiên họp ĐHCĐ thường niên 2012
11	11/NQ-HĐQT/2012	04/05/2012	Thông qua việc bán TSCĐ là xe ô tô NISSAN MURANO BKS 29NN-011-14
12	12/NQ-HĐQT/2012	16/05/2012	Thông qua chủ trương thoái vốn tại Dự án trạm thu phí Hoàng Mai, Km 393+400 quốc lộ 1A, tỉnh Nghệ An
13	13/NQ-HĐQT/2012	18/05/2012	Thông qua việc điều chỉnh quyền góp vốn vào Dự án Khu đô thị, văn phòng tại xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
14	14/NQ-HĐQT/2012	22/05/2012	Thông nhất Chuyển địa điểm giao dịch của chi nhánh Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội- Sàn giao dịch bất động sản HANIC: Chuyển từ số 60 Nguyễn Thị Định, Trung Hòa Cầu Giấy về Tầng 5, Tòa nhà FLC landmark Tower, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
15	15/NQ-HĐQT/2012	22/05/2012	Thông nhất chuyển nhượng đầu tư từ Khu công nghiệp Diêm Thụy, Thái Nguyên sang khu đô thị sinh thái tại tỉnh Hòa Bình
16	16/NQ-HĐQT/2012	22/05/2012	Xin ý kiến cổ đông thông qua phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012
17	17/NQ-HĐQT/2012	22/05/2012	Thông qua việc bán TSCĐ là xe ô tô HONDA CIVIC bKS 30K-6110
18	19/NQ-HĐQT/2012	31/05/2012	Thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017
19	19.1/NQ-HĐQT/2012	18/09/2012	Đồng ý việc chuyển nhượng cổ phần tại PV INCONESS mà công ty đang nắm giữ

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Danh sách thành viên	Cơ cấu	Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ(%)
1	Lưu Đức Quang	Trưởng ban	1.000	0.003%
2	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	0	0%
3	Trịnh Ngọc Anh	Thành viên	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát hoạt động đúng chức năng của mình, giám sát tốt các hoạt động của Hội đồng quản trị và các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm Ban kiểm soát tổ chức họp hai lần, các cuộc họp đều nhất trí đánh giá Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tốt các hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc có các giải pháp tích cực trong việc thu hồi công nợ với Công ty BETA BQP và ông Nguyễn Anh Quân, công tác điều hành công ty có hiệu quả. Phòng tài chính kế toán ghi chép, hạch toán kế toán kịp thời, rõ ràng, minh bạch, qua quá trình làm việc Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ dấu hiệu tiêu cực nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Do tình hình Công ty khó khăn nên trong năm 2012, Hội đồng quản trị và ban kiểm soát tự nguyện không nhận thù lao.

* Lương của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2012:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh sách	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Dương Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
2	Đinh Hồng Long	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ	400,05	-	-	400,06
3	Lưu Quang Minh	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	161,13	-	-	161,13
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	80,15	-	-	80,15
5	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	-	-	-	-
6	Nguyễn Đăng Chiêu	Ủy viên HĐQT	-	-	-	-
7	Hoàng Văn Diện	Phó TGĐ	92,61			92,62
8	Phạm Thị Hà Thương	Phó TGĐ	51,48			51,49
9	Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán trưởng	154,85			154,85

10	Lưu Đức Quang	Trưởng BKS	-	-	-	-
11	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên BKS	-	-	-	-
12	Trịnh Ngọc Anh	Thành viên BKS	-	-	-	-
Cộng			940,30	-	-	940,30

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Danh sách	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	Mua	Bán	Số lượng cổ phiếu cuối kỳ
1	Dương Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	0	1.630.000	-	1.630.000
2	Đinh Hồng Long	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ	350.000	-	-	350.000
3	Lưu Quang Minh	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	14.397	-	-	14.397
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	16.000	100.000	16.000	100.000
5	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên HĐQT/ Phó TGĐ	200.000	-	-	200.000
6	Nguyễn Đăng Chiêu	Ủy viên HĐQT	92.300	-	-	92.300
7	Hoàng Văn Diện	Phó TGĐ	-	-	-	-
8	Phạm Thị Hà Thương	Phó TGĐ	-	-	-	-
9	Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán trưởng	-	-	-	-
10	Lưu Đức Quang	Trưởng Ban KS	1.000	-	-	1.000
11	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên BKS	-	-	-	-
12	Trịnh Ngọc Anh	Thành viên BKS	-	-	-	-

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

TT	Danh sách	Ngày tháng	Số Hợp đồng
1	Đinh Hồng Long		
	- Cho công ty vay vốn	09/01/202	001/2012/HĐTD/HANIC-KH
	- Cho công ty vay vốn	21/03/2012	009/2012/HĐTD/HANIC-KH
2	Lưu Quang Minh		
	- Cho công ty vay vốn	17/04/2012	013/2012/HĐTD/HANIC-KH
	- Cho công ty vay vốn	26/04/2012	017/2012/HĐTD/HANIC-KH
	- Cho công ty vay vốn	31/07/2012	027/2012/HĐTD/HANIC-Kh

3	Đinh Hồng Lân(em trai ông Đinh Hồng Long)		
	- Cho công ty vay vốn	07/06/2012	025/2012/HĐTD/HANIC-KH

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, trong năm 2012 Công ty nhận thấy không có nội dung nào chưa thực hiện.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Khoản công nợ phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân trình bày trên báo cáo tài chính số tiền 238.000.000.000 đồng đang được Công ty trích lập dự phòng 50% giá trị. Do Ông Nguyễn Anh Quân đang có lệnh truy nã đồng thời tài sản đảm bảo cho khoản công nợ này là số cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc đang trong quá trình làm việc để chuyển nhượng. Trong năm 2012, theo biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2012 giữa Công ty, gia đình Ông Nguyễn Anh Quân và Công ty cổ phần Tam Đảo mới dùng số cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình giá trị 45 tỷ đồng được dùng để thanh toán cho Công ty thay cho Ông Nguyễn Anh Quân. Số cổ phần này Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới nhận chuyển nhượng từ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Hiện nay các bên liên quan đang xúc tiến các thủ tục cần thiết để chuyển số cổ phần này sang tên cho Công ty. Do việc chuyển nhượng đang được tiến hành và chúng tôi không có cơ sở để định giá được giá trị của các cổ phần này nên chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của toàn bộ khoản công nợ nói trên cũng như tính hợp lý của mức trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu liên quan đến tài sản chờ thu hồi giá trị 31 tỷ nêu tại thuyết minh số 6; các khoản tạm ứng giá trị hơn 50 tỷ nêu tại thuyết minh số 9 và các khoản đầu tư dài hạn giá trị là hơn 101,6 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 11 trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá khả năng giảm giá trị của khoản tài sản chờ thu hồi, các khoản tạm ứng và các khoản đầu tư này và sự cần thiết phải trích lập dự phòng (nếu có).

Đến thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các biên bản đối chiếu xác nhận số dư của hơn 30 tỷ đồng đầu tư dài hạn khác (chiếm tỷ lệ 30% các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2012). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa mang lại đầy đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các số dư

này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau (tiếp):

Vấn đề tùy thuộc:

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng công nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 258.460.150.250 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 247.436.126.211 đồng trong đó các khoản phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân là 238.000.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 119.000.000.000 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2012 là 257.812.318.346 đồng. Với tình hình tài chính như trên, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc phần lớn vào khả năng thu hồi khoản công nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất do các hạn chế nêu trên, và trong giả định Công ty hoạt động liên tục, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được kiểm toán được đăng tải tại website: www.hanic.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.436.126.211	355.229.392.100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	892.129.571	1.146.815.121
Tiền	111		892.129.571	1.146.815.121
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	132.291.405.462	222.941.577.127
Đầu tư ngắn hạn	121		252.940.677.991	296.854.410.681
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(120.649.272.529)	(73.912.833.554)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.746.829.719	67.539.272.139
Phải thu khách hàng	131		4.791.500.016	12.038.526.953
Trả trước cho người bán	132		105.143.524	49.187.893.524
Các khoản phải thu khác	135	6	52.985.862.316	8.458.014.874
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(3.135.676.137)	(2.145.163.212)
Hàng tồn kho	140		6.108.411.659	6.718.675.242
Hàng tồn kho	141	8	6.108.411.659	6.718.675.242
Tài sản ngắn hạn khác	150		53.397.349.800	56.883.052.471
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.199.969	59.194.929
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.730.720.660	1.371.188.630
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	50.665.429.171	55.452.668.912
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.236.044.161	202.776.033.101
Tài sản cố định	220		658.888.650	1.433.280.814
Tài sản cố định hữu hình	221	10	658.888.650	1.433.280.814
- Nguyên giá	222		1.159.826.712	2.770.939.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(500.938.062)	(1.337.658.366)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		97.962.673.694	199.574.204.454
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	11	101.653.001.440	210.663.236.240
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(3.690.327.746)	(11.089.031.786)
Tài sản dài hạn khác	260		1.614.481.817	1.768.547.833
Chi phí trả trước dài hạn	261		178.923.437	221.461.675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435.558.380	435.558.380
Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.111.527.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.672.170.372	558.005.425.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		258.460.150.250	358.986.255.263
Nợ ngắn hạn	310		258.460.150.250	358.986.255.263
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	135.353.866.345	254.188.789.045
Phải trả người bán	312		5.138.534.707	15.779.058.738
Người mua trả tiền trước	313		3.458.718.450	4.938.057.051
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	11.246.711.670	10.953.268.530
Phải trả người lao động	315		174.982.999	704.035.171
Chi phí phải trả	316		30.323.600.167	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	69.062.467.513	56.997.406.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.701.268.399	3.733.782.399
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	89.212.020.122	199.019.169.938
Vốn chủ sở hữu	410		89.212.020.122	199.019.169.938
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	19.415.004.618
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(4.052.440.254)
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	3.871.413.179
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	2.268.410.925
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(257.812.318.346)	(147.016.818.530)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.672.170.372	558.005.425.201

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Ngoại tệ các loại (USD)			1.325,33	1.356,18

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Khuất Thị Trang
Người lập biểu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	76.110.986.337	173.490.449.402
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.100.838.310	1.004.775.546
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	75.010.148.027	172.485.673.856
Giá vốn hàng bán	11	18	104.604.612.620	159.758.434.447
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(29.594.464.593)	12.727.239.409
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.476.083.203	28.477.918.713
Chi phí tài chính	22	20	40.047.157.831	98.489.592.885
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.162.738.807</i>	<i>38.392.438.754</i>
Chi phí bán hàng	24	21	3.340.904.455	5.483.800.139
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	53.365.712.010	80.448.590.329
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(124.872.155.686)	(143.216.825.231)
Thu nhập khác	31		4.011.490.399	2.289.814.324
Chi phí khác	32		6.161.514.529	5.097.912.755
Lợi nhuận khác	40		(2.150.024.130)	(2.808.098.431)
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(127.022.179.816)	(146.024.923.662)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(127.022.179.816)	(146.024.923.662)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		(127.022.179.816)	(146.024.923.662)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(3.914)	(4.614)

Đình Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Khuất Thị Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	114.887.620.290	510.495.731.959
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(35.808.220.274)	(328.779.376.258)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.030.056.603)	(4.193.330.139)
Tiền chi trả lãi vay	04	(5.697.051.665)	(33.270.010.124)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1.170.523.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.865.145.597	25.635.578.334
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.559.961.714)	(29.639.043.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.657.475.631	139.079.027.003
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(971.461.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	970.000.000	2.500.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.494.677.120)	(526.652.535.492)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	47.281.970.020	336.103.683.671
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(45.689.542.820)	(81.419.419.916)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	56.374.967.890	9.343.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.963.278.515	23.628.681.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	48.405.996.485	(237.468.051.731)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	988.350.000	2.846.160.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(288.000.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.699.529.040	854.094.970.836
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.006.036.706)	(866.107.495.004)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.318.157.666)	(9.454.364.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(254.685.550)	(107.843.388.896)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.146.815.121	108.987.752.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2.451.043
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	892.129.571	1.146.815.121

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Khuất Thị Trang
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 10 ngày 06/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Đến ngày 31/05/2012 địa chỉ trụ sở chính đăng ký thay đổi tại Tầng 5 Tòa nhà FLC LANDMARK TOWER đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10, vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong năm 2012, Công ty thực bán ra toàn bộ 263.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2012 của Công ty là 32.453.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

Số lao động thường xuyên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20 người (tại ngày 31/12/2011 là 30 người).

1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	31/12/2011	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung Hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính:				
Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
Tổng	2.000.000.000			

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con bao gồm:

- Vận tải hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo chuyến, theo hợp đồng cố định;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt ;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Buôn bán đường sữa, và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Buôn bán đồ uống không có cồn.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là thu hồi công nợ và thực hiện bán các khoản đầu tư, cơ cấu lại công nợ, tiến hành khoan nợ đàm phán tiếp tục gia hạn nợ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Mặc dù gặp khó khăn về tài chính liên quan đến khoản phải thu Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có khả năng thu hồi khoản công nợ này và thu xếp được các khoản phải trả khi đến hạn. Hiện tại, qua thông tin từ nhiều nguồn cũng như qua việc làm việc với gia đình Ông Nguyễn Anh Quân, Công ty đã tìm hiểu được Ông Nguyễn Anh Quân còn sở hữu một số tài sản và đã gửi Công văn đến Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự và quản lý kinh tế và chức vụ Công an Thành phố Hà Nội (PC 46) đề nghị PC46 phong tỏa các tài sản trên để giúp Công ty thu hồi công nợ. Các tài sản đề cập bao gồm: Biệt thự loại A1, ô số 15 khu đô thị Chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc diện tích 400m²; Biệt thự tại số 91 đường Cao Thắng, phường 3, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 411m²; Biệt thự tại 42/42 đường Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà Nội; 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông thép Ninh Bình. Vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù Công ty đang ở tình trạng rất khó khăn về tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh nhằm đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là phù hợp và nhất quán.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và công ty con được loại trừ khi trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính như được trình bày trong Thuyết minh số 25.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 25 trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng (năm)</u>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn khác được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Giá trị các khoản Đầu tư dài hạn bao gồm Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản Đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Đối khoản đầu tư vào dự án CT1 The Pride, Công ty xác định có sự giảm giá của giá trị đầu tư so với giá thị trường nên Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các căn hộ với số tiền là: 3.690.327.746 đồng.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản

phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.10 NGOẠI TỆ

Năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2012	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam VND	Công ty mẹ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
- Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	681.570.000	74.328.578.027	-	75.010.148.027
- Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận			-	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	681.570.000	74.328.578.027	-	75.010.148.027
Chi phí theo bộ phận				
- Chi phí phân bổ trực tiếp	(632.720.208)	(160.678.508.877)	-	(161.311.229.085)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	48.849.792	(86.349.930.850)	-	(86.301.081.058)
- Thu nhập / (Chi phí) tài chính	272.201.176	(38.843.275.804)	-	(38.571.074.628)
- Thu nhập / (Chi phí) khác	-	(2.150.024.130)	-	(2.150.024.130)
Lợi nhuận trước thuế	321.050.968	(127.343.230.784)	-	(127.022.179.816)
31/12/2012				
Tài sản				
- Tài sản ngắn hạn	2.321.585.388	251.802.248.530	(6.687.707.707)	247.436.126.211
- Tài sản cố định hữu hình	-	658.888.650	-	658.888.650
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	99.962.673.694	(2.000.000.000)	97.962.673.694
- Tài sản dài hạn khác	-	1.178.923.437	435.558.380	1.614.481.817
Tổng tài sản	2.321.585.388	353.602.734.311	(8.252.149.327)	347.672.170.372
Nợ phải trả				
- Nợ ngắn hạn	6.237.707.707	258.910.150.250	(6.687.707.707)	258.460.150.250
- Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	6.237.707.707	258.910.150.250	(6.687.707.707)	258.460.150.250
Vốn chủ sở hữu	(3.916.122.319)	94.692.584.061	(1.564.441.620)	89.212.020.122

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	593.615.133	129.888.719
Tiền gửi ngân hàng	298.514.438	1.016.926.402
	892.129.571	1.146.815.121

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
CP	VND	CP VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	-	355.093
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>		4.071.192.253
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	57
Công ty CP Xây lắp dầu khí	-	65
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	87.200
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	-	17.800
Công ty CP Sông đà 1	-	249.700
Các cổ phiếu niêm yết khác	-	271
- Đầu tư ngắn hạn khác	252.940.677.991	292.783.218.428
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay	248.077.259.431	256.521.269.348
<i>Trong đó</i>		
- Công ty CP BETA BQP vay (*)	238.000.000.000	238.000.000.000
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay (**)	10.077.259.431	18.521.269.348
Đầu tư ngắn hạn khác	4.863.418.560	36.141.094.080
Thẻ Golf	-	120.855.000
- Dự phòng	(120.649.272.529)	(73.912.833.554)
Dự phòng phải thu (***)	(120.649.272.529)	(73.912.833.554)
	- 132.291.405.462	355.093
		222.941.577.127

(*) Đây là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

(**) Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Tại ngày 31/12/2012 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và ngày có lệnh truy nã vào ngày 24-12-2011. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn

đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTĐM, tuy nhiên, đến nay vẫn không có văn bản trả lời. Vì vậy Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 50% giá trị khoản công nợ này.

Liên quan đến khoản công nợ phải thu này, lãi vay phải thu của khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, lãi suất vay là 25%/năm, ước tính đến 31/12/2011 là khoảng 41 tỷ đồng, Công ty chưa ước tính lãi vay phải thu năm 2012. Đồng thời, theo Công văn số 26/2011/CV-ĐTĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền 35 tỷ đồng.

Ngoài ra, khoản tiền Công ty CP BETA BQP xác nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội do không thực hiện đúng các cam kết về thanh toán dẫn đến việc Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội đã phải bán giảm giá tài sản để trả nợ cho các nhân đã góp vốn đầu tư vào Dự án Thanh Hà số tiền khoảng 34 tỷ đồng. Tổng giá trị các khoản phải thu tăng thêm khoảng 111 tỷ đồng. Do khoản nợ gốc chưa chắc chắn thu hồi nên tạm thời Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2012, gia đình Ông Nguyễn Anh Quân và Công ty cổ phần Tam Đảo mới dùng số cổ phần của Công ty Cổ phần Tam đảo mới tại Công ty Cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình giá trị 45 tỷ đồng để thanh toán cho Công ty thay cho Ông Nguyễn Anh Quân.

(***) Khoản công nợ với Công ty CP BETA BQP số tiền chậm thanh toán là 238 tỷ đồng, Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50% trên tổng số tiền phải thu của Công ty CP BETA BQP với số tiền 119 tỷ đồng. Còn lại là một số khoản trích lập dự phòng phải thu khoản cho vay khó đòi của Công ty.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	468.012.100
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản (*)	11.284.600.000	3.763.200.000
<i>Công ty Cổ Phần đầu tư bất động sản An Bình</i>	<i>3.763.200.000</i>	<i>3.763.200.000</i>
<i>Công ty CP bất động sản Mê Kông</i>	<i>7.521.400.000</i>	-
Tài sản chờ thu hồi (**)	31.000.000.000	-
Công ty Cổ phần An Sinh	8.654.800.000	-
Tiền lãi vay phải thu khác	1.212.751.172	3.414.362.636
Phải thu khác	833.711.144	812.440.138
	52.985.862.316	8.458.014.874

(*) Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu Công ty CP Bất động sản Mê Kông số tiền là: 7.521.400.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng góp vốn đầu tư Dự án: MEKONG PLAZA thuộc Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn – Geleximco, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội số GV12/18A-00/00/48 tháng 04 năm 2012.

- Khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là: 3.763.200.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng số 06/2010/HĐCNGV/ABC-KH-N03T6 về việc góp vốn được quyền mua căn hộ Tòa nhà N03-06 khu ngoại giao đoàn. Ngoài ra, Công ty còn chuyển cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là: 4,48 tỷ đồng. Đồng thời cũng ghi nhận khoản vay ngắn hạn không tính lãi với các cá nhân cho vay để được quyền mua căn hộ mà bên Công ty có quyền kinh doanh khi góp vốn đúng bằng số tiền 4,48 tỷ đồng. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện việc bù trừ giữa khoản phải thu khác và khoản vay ngắn hạn số tiền là 4,48 tỷ đồng.

(**) Công ty nhận 10 cây Tùng La Hán với giá trị là 31 tỷ.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(3.135.676.137)	(2.145.163.212)
	(3.135.676.137)	(2.145.163.212)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	6.108.411.659
Hàng hoá	-	610.263.583
Giá trị gốc của hàng tồn kho	6.108.411.659	6.718.675.242

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	50.665.429.171	55.452.668.912
	50.665.429.171	55.452.668.912

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện	Thiết bị	Tổng cộng
	vận tải	quản lý	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2012	2.558.538.286	212.400.894	2.770.939.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	1.611.112.468	-	1.611.112.468
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>1.611.112.468</i>	-	<i>1.611.112.468</i>
31/12/2012	947.425.818	212.400.894	1.159.826.712
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2012	(1.171.252.773)	(166.405.593)	(1.337.658.366)
Khấu hao trong năm	(200.682.916)	(28.592.880)	(229.275.796)
- <i>Trích khấu hao trong năm</i>	<i>(200.682.916)</i>	<i>(28.592.880)</i>	<i>(229.275.796)</i>
Giảm trong năm	1.065.996.100	-	1.065.996.100
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>1.065.996.100</i>	-	<i>1.065.996.100</i>
31/12/2012	(305.939.589)	(194.998.473)	(500.938.062)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2012	1.387.285.513	45.995.301	1.433.280.814
31/12/2012	641.486.229	17.402.421	658.888.650

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.920.319 đồng.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

		31/12/2012		01/01/2012
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	40.020.500.000	-	59.252.350.000
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>	-	-	-	-
<u>Cổ phiếu chưa niêm yết</u>	2.757.200	40.020.500.000	3.951.235	59.252.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS			789.035	11.739.350.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	1.344.200	13.442.000.000	1.344.200	13.442.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng công ty CP Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	85.000	1.572.500.000	490.000	9.065.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đắkpru HANIC		3.900.000.000		3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Công ty CP Phát triển hạ tầng Kim Giang (*)	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		61.632.501.440		151.410.886.240
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		5.067.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		-		800.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		-		13.500.000.000
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diềm Thụy (Công ty CP Phát triển hạ tầng Kim Giang		7.207.000.000		7.207.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (**)		24.358.501.440		99.836.886.240
	2.757.200	101.653.001.440	3.951.235	210.663.236.240

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

(*) Theo nghị quyết của HĐQT số 15/NQ-HĐQT/2012 ngày 22/05/2012 và Nghị Quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 của Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt chuyển nhượng đầu tư từ khu công nghiệp Diềm Thụy tại Thái Nguyên do Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Kim Giang là chủ đầu tư sang khu đô thị sinh thái tại Hòa Bình. Công ty dự định về việc chuyển nhượng 1,1 triệu cổ phần với mệnh giá 11 tỷ (giá gốc khoản đầu tư là 11 tỷ) tại Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang cho Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm với giá 5,5 tỷ. Đổi lại, Công ty được quyền tham gia 51% giá trị dự án khu đô thị sinh thái 35ha tại tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm. Công ty đã ký biên bản thương thảo ngày 18/04/2012 với Công ty CP Đầu tư thương mại Thịnh Lâm nhưng chưa ký hợp đồng chính thức chuyển nhượng và cũng chưa làm thủ tục chuyển cổ phần tại Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang.

(**) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06, Công ty sẽ góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m2 từ tầng 7 đến tầng 33. Tính đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã góp là khoảng 24,3 tỷ đồng và ghi nhận khoản phải trả góp đợt 4 là 4.817.996.505 đồng. Phần còn lại sẽ góp theo tiến độ hoàn thành của dự án do chủ đầu tư thông báo. Trường hợp quyền mua các căn hộ được chuyển cho khách hàng, khách hàng sẽ trực tiếp thanh toán phần còn lại cho chủ đầu tư.

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Eximbank - Chi nhánh Long Biên	7.712.000.000	29.150.000.000
Công ty CP Liên Việt Holdings (*)	-	36.820.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	14.810.106.880	8.500.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán Nam Việt	-	465.858.000
Vay các cá nhân (**)	112.831.759.465	179.252.931.045
	135.353.866.345	254.188.789.045

(*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội.

(**) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội với số tiền là 40.165.996.680 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	125.666.714	109.330.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.182.877.134	10.190.953.154
Thuế thu nhập cá nhân	602.088.812	316.905.770
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	336.079.010
	11.246.711.670	10.953.268.530

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	10.521.455	3.415.166
Bảo hiểm xã hội	54.704.503	52.464.693
Bảo hiểm y tế	9.660.937	9.085.496
Bảo hiểm thất nghiệp	4.620.809	4.197.541
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu	4.199.400.000	4.199.400.000
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Hà Nội	305.730.435	-
Ông Vũ Đức Toàn	300.000.000	-
Cổ tức phải trả cổ đông	40.569.376	16.267.249.376
Công ty CP Chứng khoán Nam Việt	-	192.591.919
Các khoản phải trả, phải nộp khác (***)	28.137.259.998	269.002.331
	69.062.467.513	56.997.406.522

(*) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ.

(**) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

(***) Trong đó số dư phải trả khác 27.847.707.499 liên quan đến việc công ty nhận chuyển nhượng 14 cây tùng la hán và bù lại đối tác sẽ được tham gia hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/Hanic ngày 10/11/2011.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn góp của các cổ đông	324.533.600.000	324.533.600.000
	324.533.600.000	324.533.600.000

Trong năm 2012, Công ty tiến hành bán toàn bộ 263.000 cổ phiếu quỹ ra thị trường. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 31/12/2012 là 32.453.360 cổ phiếu.

16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	324.533.600.000	324.533.600.000
Vốn góp cuối năm	324.533.600.000	324.533.600.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.453.360	32.453.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.453.360</i>	<i>32.453.360</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<i>32.453.360</i>	32.190.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.453.360</i>	<i>32.190.360</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	263.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2011	87.020.000.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	24.556.656.449	125.726.778.554
Tăng vốn trong năm	237.513.600.000	-	-	(288.000.000)	-	-	-	237.225.600.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(146.024.923.662)	(146.024.923.662)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.661.634.685	1.663.521.678	(4.325.156.363)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	(5.421.519.746)	-	8.736.629.746	-	-	(21.223.394.954)	(17.908.284.954)
31/12/2011	324.533.600.000	19.415.004.618	-	(4.052.440.254)	3.871.413.179	2.268.410.925	(147.016.818.530)	199.019.169.938
01/01/2012	324.533.600.000	19.415.004.618	-	(4.052.440.254)	3.871.413.179	2.268.410.925	(147.016.818.530)	199.019.169.938
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(127.022.179.816)	(127.022.179.816)
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-	16.226.680.000	16.226.680.000
Giảm khác (**)	-	(3.064.090.254)	-	4.052.440.254	-	-	-	988.350.000
31/12/2012	324.533.600.000	16.350.914.364	-	-	3.871.413.179	2.268.410.925	(257.812.318.346)	89.212.020.122

(*) Tăng khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 nhất trí thông qua việc không trả nốt 5% cổ tức năm 2010.

(**) Giảm khác: Công ty thực hiện bán Cổ phiếu quỹ trong kỳ, giá trị khấp lênh thấp hơn giá trị ghi sổ của Cổ phiếu quỹ phần chênh lệch hạch toán giảm giá trị thặng dư vốn cổ phần.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.110.986.337	173.490.449.402
- Doanh thu sản giao dịch bất động sản	-	5.382.124.542
- Doanh thu bán hàng	74.362.085.728	163.964.601.701
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.748.900.609	4.143.723.159
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.100.838.310	1.004.775.546
- Hàng bán bị trả lại	1.100.838.310	1.004.775.546
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	75.010.148.027	172.485.673.856

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	104.604.612.620	159.758.434.447
	104.604.612.620	159.758.434.447

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	345.074.289	23.810.328.002
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.135.000	1.424.235.637
Cổ tức lợi nhuận được chia	220.767.500	1.488.395.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	207.301	129.397.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.451.043
Doanh thu hoạt động tài chính khác	903.899.113	1.623.110.483
	1.476.083.203	28.477.918.713

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.162.738.807	38.392.438.754
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.387.787.968	27.397.032.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	25.401.843
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(2.512.833.554)	296.484.550
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.429.910.390)	12.237.448.986
Chi phí tài chính khác	13.439.375.000	20.140.786.712
	40.047.157.831	98.489.592.885

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.132.673.735	2.236.671.272
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	181.393.302	265.192.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	101.193.940
Chi phí thuế, phí, lệ phí	8.912.463	17.382.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.345.438	1.605.926.408
Chi phí bằng tiền khác	1.958.579.517	1.257.432.673
	3.340.904.455	5.483.800.139

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.703.095.450	3.726.820.222
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	364.721.836	826.630.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	229.275.796	680.537.763
Chi phí thuế, phí, lệ phí	82.412.489	130.734.897
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	50.239.785.454	73.495.287.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.068.080	873.047.198
Chi phí bằng tiền khác	207.352.905	715.532.256
	53.365.712.010	80.448.590.329

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(127.022.179.816)	(146.024.923.662)
Các khoản điều chỉnh khối thu nhập chịu thuế	541.818.468	68.504.480
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	220.767.500	1.810.738.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi (Lỗ) Công ty con	321.050.968	(1.742.233.520)
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	3.526.803.764	215.601.175
- Phạt hành chính	-	18.538.801
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	3.526.803.764	197.062.374
Tổng thu nhập chịu thuế	(124.037.194.520)	(145.877.826.967)
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	-	-
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**24.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Năm 2012 CP	Năm 2011 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	32.453.360	31.643.360
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	-
Số cổ phiếu quỹ tăng trong năm	-	263.000
Số cổ phiếu quỹ tăng trong năm	-	20.000
Số cổ phiếu quỹ giảm trong năm	(263.000)	(567.000)
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm	32.449.452	31.651.307

24.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(127.022.179.816)	(146.024.923.662)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	32.449.452	31.651.307
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(3.914)	(4.614)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14 – Công cụ tài chính

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.129.571	1.146.815.121
Đầu tư ngắn hạn	132.291.405.462	222.941.577.127
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.641.686.195	18.351.378.615
Đầu tư dài hạn khác	97.962.673.694	199.574.204.454
Tổng	285.787.894.922	442.013.975.317
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	135.353.866.345	254.188.789.045
Phải trả người bán	5.138.534.707	15.779.058.738
Chi phí phải trả	30.323.600.167	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.982.959.809	56.928.243.626
Tổng	239.798.961.028	338.587.949.216
Trạng thái ròng	45.988.933.894	103.426.026.101

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên giá trị tài sản bằng ngoại tệ của Công ty rất nhỏ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản	1.325,33	1.356,18
- Đô la Mỹ (USD)	1.325,33	1.356,18

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 là: 150.557.340 đồng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi của Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư ngắn hạn xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	-	4.071.192.253
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	-	(2.512.833.554)
	-	1.558.358.699
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(2.512.833.554)	(2.216.349.004)
Dự phòng giảm/ (tăng)	2.512.833.554	(296.484.550)
Số dư cuối kỳ	-	(2.512.833.554)

Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	241.298.545.057	238.000.000.000
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(120.649.272.529)	(71.400.000.000)
	120.649.272.528	166.600.000.000
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(71.400.000.000)	-
Dự phòng tăng	(49.249.272.529)	(71.400.000.000)
Số dư cuối kỳ	(120.649.272.529)	(71.400.000.000)

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	4.368.546.950	3.609.222.706
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(3.135.676.137)	(2.145.163.212)
	1.232.870.813	1.464.059.494
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(2.145.163.212)	(273.292.491)
Dự phòng Tăng	(990.512.925)	(1.871.870.721)
Số dư cuối kỳ	(3.135.676.137)	(2.145.163.212)

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư dài hạn khác xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	24.358.501.440	99.836.886.240
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(3.690.327.746)	(11.089.031.786)
	20.668.173.694	88.747.854.454
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(11.089.031.786)	-
Dự phòng Giảm/ (Tăng)	7.398.704.040	(11.089.031.786)
Số dư cuối kỳ	(3.690.327.746)	(11.089.031.786)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	135.353.866.345	-	135.353.866.345
Phải trả người bán	5.138.534.707	-	5.138.534.707
Chi phí phải trả	30.323.600.167	-	30.323.600.167
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.982.959.809	-	68.982.959.809
	239.798.961.028	-	239.798.961.028
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	254.188.789.045	-	254.188.789.045
Phải trả người bán	15.779.058.738	-	15.779.058.738
Chi phí phải trả	11.691.857.807	-	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.928.243.626	-	56.928.243.626
	338.587.949.216	-	338.587.949.216

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi Tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.129.571	-	892.129.571
Đầu tư ngắn hạn	132.291.405.462	-	132.291.405.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.641.686.195	-	54.641.686.195
Đầu tư dài hạn	-	97.962.673.694	97.962.673.694
	187.825.221.228	97.962.673.694	285.787.894.922
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.146.815.121	-	1.146.815.121
Đầu tư ngắn hạn	222.941.577.127	-	222.941.577.127
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.351.378.615	-	18.351.378.615
Đầu tư dài hạn	-	199.574.204.454	199.574.204.454
	242.439.770.863	199.574.204.454	442.013.975.317

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Vay bên liên quan			
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	142.000.000	12.173.500.000
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	395.000.000	4.450.000.000
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>			
Ông Đinh Hồng Long		102.000.000	10.550.000.000
Ông Lưu Quang Minh		1.233.328.400	265.000.000
<i>Lãi vay</i>			
Ông Đinh Hồng Long		182.402.538	816.065.625
Ông Lưu Quang Minh		-	347.639.500
<i>Lãi vay đã trả</i>			
Ông Đinh Hồng Long		252.365.493	728.228.355
Ông Lưu Quang Minh		510.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lương và thu nhập khác	760.119.441	928.370.332
	760.119.441	928.370.332

Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
Ông Đinh Hồng Long		-	1.623.500.000
Ông Lưu Quang Minh		4.490.000.000	4.185.000.000

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Khuất Thị Trang
Người lập biểu

Hà nội, ngày 16 tháng 4 năm 2013

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty